

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích từ ngữ	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
III. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	12
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Chủ tịch, Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	22
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	25
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	25
Điều 29. Cán bộ quản lý.....	25
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.....	25
Điều 31. Thư ký Công ty.....	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	27
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 33. Ban kiểm soát	28

X.	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	29
	Điều 34. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	29
	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
	Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	30
	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	31
	Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	31
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	31
	Điều 39. Phân phối lợi nhuận	Error! Bookmark not defined.
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
	Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	32
	Điều 41. Năm tài chính	32
	Điều 42. Chế độ kế toán	32
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	32
	Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	32
	Điều 44. Báo cáo thường niên.....	33
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	33
	Điều 45. Kiểm toán.....	33
XVII.	CON DẤU	34
	Điều 46. Con dấu.....	34
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	34
	Điều 47. Chấm dứt hoạt động.....	34
	Điều 48. Gia hạn hoạt động	34
	Điều 49. Thanh lý.....	34
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
	Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	35
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	35
	Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	35
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC.....	36
	Điều 52. Ngày hiệu lực	36
	<i>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.</i>	
	36

PHẦN MỞ ĐẦU

i u l này ã c c p nh t n i dung s a i, b sung l n th 5 theo i u 11 Ngh quy t c a i h i ng c ông th ng niên Công ty n m 2014 chính th c thông qua vào ngày 18/04/2014 (ch nh s a theo i u l m u quy nh t i Thông t s 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 n m 2012 c a B Tài chính quy nh v qu n tr công ty áp d ng cho các công ty i chúng). Tr c ó, i u l Công ty ã c ch nh s a i, b sung l n th 4 theo i u 11 Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 20 tháng 03 n m 2012; s a i, b sung l n th 3 theo i u 11 Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 30 tháng 03 n m 2011, s a i, b sung l n th 2 theo i u 4 Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 17 tháng 04 n m 2010, s a i, b sung l n u theo Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty thông qua vào ngày 18 tháng 10 n m 2008 (ch nh s a theo i u l m u áp d ng i v i các Công ty niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán/trung tâm giao d ch ch ng khoán ban hành kèm theo Quy t nh s 15/2007/Q -BTC c a B Tr ng B Tài Chính ngày 19/3/2007).

B n i u l này thay th i u l c i h i ng c ông thông qua ngày 18 tháng 09 n m 2006 (th i i m chuy n i hình th c t Công ty TNHH V n Phát H ng sang Công ty C ph n V n Phát H ng).

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:
 - "**Vốn điều lệ**" là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 c a i u l này.
 - "**Luật Doanh nghiệp**" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 12 n m 2005.
 - "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.
 - "**Cán bộ quản lý**" là T ng giám c i u hành, Phó t ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.
 - "**Người có liên quan**" là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i i u 4.17 c a Lu t Doanh nghi p.
 - "**Thời hạn hoạt động**" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.
 - "**Việt Nam**" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.
- Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.
- Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho v i chi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;
- Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
 - Tên ti ng Vi t: Công ty C ph n V n Phát H ng

- Tên tiếng Anh: Van Phat Hung Corporation
 - Tên giao dịch: V n Phát H ng
 - Tên viết tắt: VPH Corp
2. Công ty là công ty c ập n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
3. Tr s ng ký c a Công ty là:
- a ch : 89 Hoàng Qu c Vi t, Ph ng Phú Thu n, Qu n 7, Tp. H Chí Minh.
 - i n tho i: (84-08) 3785 0011 - 3785 0999
 - Fax: (84-08) 3785 4422 ó 3785 2500
 - E-mail: info@vanphathung.com.vn
 - Website: <http://www.vanphathung.com>
4. T ng giám c i u hành là i đi n theo pháp lu t c a Công ty.
5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i đi n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.
6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 49.2 và i u 50 ho c gia h n ho t ng theo i u 51 c a i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty s b t u t ngày thành l p và là 50 n m.

III. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh v c kinh doanh c a Công ty là:
- Xây d ng dân d ng.
 - San l p m t b ng.
 - Mua bán v t li u xây d ng hàng trang trí n i th t.
 - Kinh doanh nhà.
 - L p t c ng thoát n c.
 - Xây d ng ng giao thông.
 - S n xu t ng c ng bê tông c t thép (không ho t ng t i tr s).
 - o t a chính.
 - Xây l p i n d i 35KV.
 - Môi gi i b t ng s n.
 - D ch v nhà t ó t v n b t ng s n.
 - Cho thuê kho, bãi xe (không ho t ng t i tr s).
 - Cho thuê nhà ph c v m c ích kinh doanh.
 - D ch v qu n lý b t ng s n (cao c, chung c).
 - Xây d ng công trình công nghi p, c u c ng.
 - T v n qu n lý d án.
 - L p th th ng phòng cháy ch a cháy, h th ng c i n l nh.
 - Ch t o, l p ráp, mua bán máy móc thi t b x lý rác và x lý môi tr ng (không ch t o t i tr s).
 - Trang trí n i ngo i th t.
 - S n xu t bê tông ó t m bê tông úc s n- ng- c t bê tông- c c bê tông c t thép- g m s -v t li u ch u l a- g ch- b t ma út (không s n xu t t i tr s).

- Tr n bê tông khô ó t (không ho t ng t i tr s).
- Tr ng r ng (không ho t ng t i Tp.HCM).
- D ch v phòng ch ng cháy r ng.
- D ch v cung c p gi ng cây tr ng r ng.
- Khai thác, s ch g - thu l m lâm s n (không ho t ng t i Tp.HCM).
- S n xu t g - s n mài- ch m kh m trang trí (tr tái ch ph th i, s n xu t g m s th y tinh-xi m i n).
- L p t, mua bán h th ng báo cháy-báo tr m.
- D ch v gi i thi u vi c làm.
- D ch v d n d p, trang trí phong c nh.
- V sinh bên ngoài h b i, c ng rãnh.
- Xây d ng h t ng khu dân c .
- D ch v s àn giao d ch b t ng s n.
- *Giáo dục mầm non.*
- *Giáo dục tiểu học.*
- *Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.*
- *Giáo dục nghề nghiệp (không ho t ng t i tr s).*
- *Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).*
- *Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).*
- *Giáo dục thể thao và giải trí.*
- *Giáo dục văn hoá nghệ thuật.*
- *Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính; Giáo dục dự bị; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.*
- *Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.*
- *Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan./.*

2. M c ích ho t ng c a Công ty là:

- Xây d ng Công ty thành m t t ch c kinh t a ngành; d n u trong l nh v c u t và kinh doanh b t ng s n; phát tri n nhanh và b n v ng d a trên n n t ng u t và phát tri n b t ng s n;
- T i a hóa l i nhu n cho Công ty và các c ông trên c s y m nh s n xu t kinh doanh, ng d ng công ngh m i, qu n tr t t nh t các ngu n l c;
- Phát tri n ngu n nhân l c, m b o quy n l i chính áng và t o môi tr ng làm vi c t t nh t cho ng i lao ng;
- Th c hi n y các ngh a v v i nhà n c, góp ph n vào s phát tri n th nh v ng c a t n c.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo quy nh c a Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c H i ng qu n tr phê chu n.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vn i u l c a công ty: **302.086.840.000 đồng đồng** (Ba trăm lẻ hai tỷ không trăm tám mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 30.208.684 (Ba mươi triệu hai trăm lẻ tám ngàn sáu trăm tám mươi bốn) c ph n ph thông v i m nh giá là 10.000 ng/01 c ph n (Mười ngàn đồng trên một cổ phần).
2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ô ng thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này u là c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo lo i c ph n này c quy nh t i i u 11 và i u 12 c a i u l này.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ô ng và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. Tên, a ch , s l ng c ph n và các chi ti t khác v c ô ng sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p s c nêu t i ph l c s 01 ính kèm. Ph l c s 01 là m t ph n c a i u l này.
6. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ô ng hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ô ng quy nh khác. Công ty ph i thông báo vi c chào bán c ph n, trong thông báo ph i nêu rõ s c ph n c chào bán và th i h n ng ký mua phù h p (t i thi u hai m i ngày làm vi c) c ô ng có th ng ký mua. S c ph n c ô ng không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ô ng hi n h u, tr tr ng h p i h i ng c ô ng ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c ph n c bán qua S Giao d ch Ch ng khoán.
7. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C ph n ph thông do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này và Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.
8. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ô ng nh t trí thông qua b ng v n b n và phù h p v i quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. C ô ng c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u, tr tr ng h p quy nh t i Kho n 7 c a i u 6.

2. Công ty và chủ sở hữu của Công ty và chủ sở hữu của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty và chủ sở hữu của Công ty phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà công ty đang nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi công ty và chủ sở hữu ghi danh cổ phiếu chỉ để mua cổ phiếu.
3. Trong thời hạn 07 (Bảy) kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu cổ phiếu theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo yêu cầu phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán ý định mua cổ phiếu theo quy định tại phần án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phiếu sẽ chấp nhận công ty và chủ sở hữu của Công ty. Người sở hữu cổ phiếu không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản phí gì.
4. Trường hợp chuyển nhượng chứng nhận ghi danh trong chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận số dư và chứng nhận ghi nhận số phần còn lại sẽ chấp nhận phí.
5. Trường hợp công ty và chủ sở hữu ghi danh bất kỳ một hoặc một số hành vi vi phạm pháp luật, thì công ty và chủ sở hữu ghi danh có thể yêu cầu chấp nhận công ty và chủ sở hữu ghi danh mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ quên chứng nhận và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất hoặc bị sử dụng vì mục đích khác.
7. Công ty có thể phát hành chứng nhận ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng nhận ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) để chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng chứng nhận theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và luật này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty trái phiếu hoặc các chứng nhận chứng khoán khác của Công ty (trừ các trái phiếu, các chứng nhận chứng khoán và các tài liệu liên quan), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của chủ sở hữu của Công ty, trừ trường hợp mà các yêu cầu và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các chứng nhận có thể được chuyển nhượng trừ khi luật này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Chứng nhận chưa thanh toán ý định không được chuyển nhượng và hành vi chuyển nhượng.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp công không thanh toán y và ứng h n s t i n p h i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty theo quy nh.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo ứng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
3. Trường hợp các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n, tr c khi thanh toán y t t c các kho n p h i n p, các kho n lãi và các chi phí liên quan, H i ng qu n tr có quy n thu h i s c ph n ó. H i ng qu n tr có th ch p nh n vi c giao n p các c ph n b thu h i theo quy nh t i các Kho n 4, 5 và 6 và trong các tr ng h p khác c quy nh t i i u l này.
4. C ph n b thu h i s tr thành tài s n c a Công ty. H i ng qu n tr có th tr c t i p h o c y quy n bán, tái phân ph i h o c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i h o c các i t ng khác theo nh ng i u k i n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. Công n m gi c ph n b thu h i s ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l không quá 1,5 l n lãi su t 12 tháng c a Ngân hàng Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn Vi t Nam vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i h o c có th m i n gi m thanh toán m t p h o c toàn b s t i n ó.
6. Thông báo thu h i s c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót h o c b t c n trong vi c g i thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị

C c u t ch c qu n lý c a Công ty bao g m:

- a. i h i ng c ông;
- b. H i ng qu n tr ;
- c. T ng giám c i u hành;
- d. Ban ki m soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Công là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. Công ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.
2. Ng i n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:
 - a. Tham gia các i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c t i p h o c thông qua i di n c u quy n;

- b. Nhận xét;
 - c. Thanh toán nhng c phn ã thanh toán y theo quy nh c a i u l này và pháp lu t hi n hành;
 - d. c ưu tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan n c ông trong danh sách c ông t cách tham gia i h i ng c ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l công ty, s biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông;
 - g. Tr ng h p Công ty gi i th , c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông lo i khác theo quy nh c a pháp lu t;
 - h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh t i i u 90.1 c a Lu t Doanh nghi p;
 - i. Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.
3. Công ho c nhóm c ông n m gi trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr lên có các quy n sau:
- a. c các thành viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát theo quy nh t ng ng t i các i u 24.3 và i u 35.2;
 - b. Yêu c u tri u t p i h i ng c ông;
 - c. Kiểm tra và nh n b n sao ho c b n trích d n danh sách các c ông có quy n tham d và b phi u t i i h i ng c ông.
 - d. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;
 - e. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

C ông có ngh a v sau:

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;
2. Thanh toán ti n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh;
3. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n;
4. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
5. Ch u trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:
 - a. Vi ph m pháp lu t;
 - b. Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c nguy c tài chính có th x y ra i v i công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng công là quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng công thường niên tổ chức minimum 1 lần. Hội đồng công phải họp thường niên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức và điều hành Hội đồng công thường niên và làm nhiệm vụ phù hợp. Hội đồng công thường niên quy định nội dung và vận hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, được thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các thành viên có liên quan không được tham dự Hội đồng công thường niên cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng công bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Ngân sách kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề bất thường;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Công ty hoặc nhóm công ty quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Hội đồng công bất thường từ bên liên quan. Bên liên quan phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công văn liên quan (bên liên quan có thể lập thành nhiệm vụ có thể ký các tài liệu liên quan);
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cụ thể từ Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi quy định của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Hội đồng công bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhóm công ty yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công ty, nhóm công ty có yêu cầu quy định tại Khoản 4d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Hội đồng công theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - d. Trong trường hợp này, công ty hoặc nhóm công ty triệu tập họp Hội đồng công có thể ngừng quan hệ kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- e. Tất cả chi phí cho việc cấu trúc và tiến hành hợp nhất công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công ty chi tiêu khi tham dự hợp nhất công ty, kể cả chi phí nhân và tài liệu.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng công ty thường niên có quyền theo luật và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kế toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Hội đồng công ty thường niên và bất kỳ thông qua quy định bên dưới sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mốc kết thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan về lợi ích phần vốn. Mốc kết này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty liên kết công ty;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kế toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Lợi ích phần vốn và số lượng phần trăm được phát hành cho mỗi lợi ích phần vốn, và việc chuyển nhượng các phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công ty con của Công ty;
 - l. Quy định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% mỗi lợi ích phần vốn phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành ứng cử làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Công ty không được tham gia bất kỳ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này khi công ty hoặc người có liên quan tới công ty đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua các phần của công ty đó hoặc của người có liên quan tới công ty đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản của vào chương trình họp phải có sự ra đời của luật và bị quy định rõ ràng.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các công ty có quyền tham dự hội đồng công ty theo luật pháp có thẩm quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền của thì phải xác nhận thành số phiếu và số phiếu bầu của mình người đại diện.
2. Văn bản quy định cho người đại diện họp hội đồng công ty phải lập thành văn bản theo mục của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp công ty cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của công ty và người ủy quyền đồng ý;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của công ty là thành viên là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của công ty và người ủy quyền đồng ý;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty và người ủy quyền đồng ý.

Người ủy quyền đồng ý họp hội đồng công ty phải ký văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật thay đổi cho người ủy quyền ký giấy ủy quyền người đại diện, văn bản của người đại diện trong trường hợp này chỉ có hiệu lực nếu người ủy quyền người đại diện đó xuất trình cùng với người ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của người ủy quyền đó (nếu trường hợp không ký với Công ty).
4. Trường hợp quy định tại khoản 3 của điều 15, người ủy quyền của người ủy quyền đồng ý trong phạm vi của quy định của luật có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ thẩm quyền của người ủy quyền hiện tại của người ủy quyền.

Người ủy quyền này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sự kiện trên bản mặt tám giờ trước khi khai mạc cuộc họp hội đồng công ty hoặc trước khi cuộc họp kết thúc.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quy định của hội đồng công ty (trong các trường hợp quy định tại điều 14.2 liên quan đến việc phân chia Công ty thành các loại cổ phần khác nhau) và việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quy định của bị tước bỏ quyền lợi của người ủy quyền chỉ có thể thông qua khi có sự nhất trí của đa số thành viên của hội đồng công ty (ít nhất 75% quyền biểu quyết của phần đã phát hành lợi ích).
2. Việc thực hiện các hợp đồng trên cơ sở giá trị khi có thể thì hai công ty (hoặc người đại diện của họ) và người ủy quyền của họ và năm mươi phần trăm giá trị của các cổ phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự biểu quyết nêu trên thì sẽ thực hiện trong vòng ba mươi ngày sau đó và

những người nắm giữ cổ phần thuộc loại (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của họ được coi là số lượng bị yêu cầu. Tất cả các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bị loại trừ và miễn trừ khi bị loại trừ có mặt lá phiếu cho một đề nghị thuộc loại.

3. Tất cả tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy để thể hiện tất cả các quy định từ 18 và 20.
4. Trường hợp nếu phát hành các quy định khác, các quy định bị thay thế liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các đề nghị cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập hội đồng, hoặc hội đồng có quyền triệu tập theo các quy định quy định từ 13.4b hoặc từ 13.4c.
2. Người triệu tập hội đồng phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các công ty đủ điều kiện tham gia và bị yêu cầu triệu tập hội đồng trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hội đồng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác nhận thời gian và địa điểm họp;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp hội đồng cho tất cả các công ty có quyền dự họp.
3. Thông báo họp hội đồng phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề thảo luận và bị yêu cầu triệu tập hội đồng về các công ty đã thực hiện việc ký phiếu, thông báo họp hội đồng có thể gửi trực tiếp cho công ty, công ty có thể gửi thông tin thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương của công ty có trụ sở chính. Người triệu tập hội đồng phải thực hiện việc ký phiếu, thông báo họp hội đồng có thể gửi cho công ty bằng cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bưu điện hoặc bằng phương thức khác, hoặc do công ty cung cấp phương tiện gửi thông tin. Trường hợp công ty đã thông báo cho Công ty bằng văn bản hoặc fax hoặc bằng phương tiện khác, thông báo họp hội đồng có thể gửi bằng fax hoặc bằng phương tiện khác. Trường hợp công ty là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể gửi trong phong bì dán kín gửi tay hoặc làm việc. Thông báo họp hội đồng phải gửi trực tiếp ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp hội đồng, (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện khác, trừ trường hợp gửi vào hộp thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp hội đồng phải công bố trên website của Công ty ngay từ việc gửi thông báo cho các công ty.
4. Công ty hoặc nhóm công ty có quyền triệu tập từ 11.3 của điều 1 này có quyền xuất các vấn đề vào chương trình họp hội đồng. Người triệu tập phải làm văn bản và phải gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc hội đồng. Người triệu tập phải bao gồm

và tên công, số lượng và loại phần ứng in m gi, và nội dung ghi
vào chứng trình h p.

5. Nguyên tắc pháp lý của công có quy định chi tiết xu hướng liên
quan khoản 4 của điều 17 trong các trường hợp sau:
 - a. Xu hướng ghi không ứng thi h n hoc không, không ứng
nội dung;
 - b. Vào thời điểm xu hướng hoc nhóm công không có ít nhất
5% phần ph thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Xu hướng không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c
ông bàn b c và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đề nghị quy định cho công viên trong
chứng trình h p.
7. Trường hợp tất cả công viên 100% số phần có quy định quy định tr c
tập tham dự hoc thông qua viên c u quy n t i i h i ng c ông,
nhưng quy định của hội đồng nhất trí thông qua u c coi là
h p l k c trong trường hợp vì nguyên tắc pháp lý của công không theo
ứng thi t c hoc n i dung bi u quy t không có trong chứng trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng công viên tiến hành khi có số công viên dự viên cho ít
nhất 65% phần có quy định quy định.
2. Trường hợp không có số lượng viên dự viên c n thi t trong vòng ba mươi phút kể
từ thời điểm bắt đầu họp, hội đồng phải triệu tập lại trong vòng
ba mươi ngày kể từ ngày diễn ra họp của hội đồng lần thứ nhất.
Hội đồng triệu tập lại chỉ cần tiến hành khi có thành viên tham dự
là các công viên và nguyên viên c u quy n đ h p i di n cho ít nhất
51% phần có quy định quy định.
3. Trường hợp viên dự viên hai không cần tiến hành do không có số viên dự
viên c n thi t trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm bắt đầu họp, hội
đồng lần thứ ba có thể triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể
từ ngày diễn ra họp lần hai, và trong trường hợp này hội đồng
tiến hành không phải thu c vào số lượng công viên hay viên dự
viên c u quy n đ h p i di n u quy n tham đ
và u c coi là h p l và có quy định quy định nh t t c các v n mà hội đồng
công viên lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo nghị quyết của hội đồng công viên thay đổi chứng trình h p
đã ghi kèm theo thông báo mời họp theo quy định của điều 17.3 của điều
l này.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày triệu tập của hội đồng công viên, Công ty phải thiết lập công ký
công viên và phải thiết lập công ký cho viên khi các công viên có quy định
h p có mặt ký h t.
2. Khi tiến hành công ký công viên, Công ty sẽ cho công viên hoc viên dự
viên c u quy n có quy định quy định m t th bi u quy t, trên đó có ghi số
ký, h và tên của công viên, h và tên viên dự viên c u quy n và số phiếu viên dự
viên c u quy t của công viên. Khi tiến hành viên dự viên t t i i h i, s th ng h ng h

quy tắc thu trực, sự thay đổi nội quy tắc thu sau, cụ thể cùng một
tổng số phiếu tán thành hay phản đối quy tắc. Tổng số phiếu ủng hộ, phản
đối tổng số phiếu trực tiếp, sự Chốt thông báo ngay sau khi
tín hành biểu quyết vấn đề. Điều kiện chọn trong sự biểu hiện
ngay chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu điều
không chọn thì Chốt các nhân viên giám sát. Sự thành viên của ban kiểm
phiếu không quá ba người.

3. Công nhân điều kiện công việc có quyền ký ngay và sau đó
có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại điều kiện. Chốt không có trách nhiệm
điều kiện cho công nhân ký và hiệu lực của các biểu quyết
quy tắc tín hành trực tiếp khi công nhân tham dự không bình thường.
4. Điều kiện công việc do Chốt chỉ huy quản trị, trợ lý Chốt
chỉ huy quản trị vận hành thì Phó Chốt chỉ huy quản trị hoặc là
người điều kiện công việc của sự chỉ huy. Trợ lý không ai trong
sự có thể chỉ huy, thành viên chỉ huy quản trị của cao nhất có
mặt sự chỉ huy của Chốt các điều kiện công việc, Chốt không
nhất thiết phải là thành viên chỉ huy quản trị. Chốt chỉ huy, Phó Chốt chỉ huy
của điều kiện công việc của sự chỉ huy lập biên bản điều kiện.
Trợ lý của Chốt chỉ huy, tên Chốt chỉ huy và sự biểu quyết của Chốt chỉ huy
của công việc.
5. Quy tắc của Chốt vận hành, tất cả các sự kiện phát sinh ngoài
chương trình của điều kiện công việc mang tính pháp quy cao nhất.
6. Chốt điều kiện công việc có thể hoãn sự chỉ huy ngay cả trong trợ lý
đã có sự biểu quyết nhất định khác và tất cả các điều kiện do
Chốt quy tắc mà không cần lý do của điều kiện vận hành (a) các
thành viên tham dự không thể chỉ huy nhất định của sự chỉ huy,
(b) hành vi của nhân viên có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất
trật tự của sự chỉ huy (c) sự hoãn lại của sự chỉ huy các công việc của điều kiện
của tín hành một cách hợp lý. Ngoài ra, Chốt điều kiện có thể hoãn điều kiện
khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của điều kiện công việc đã có sự lập
biểu quyết của sự chỉ huy. Thời gian hoãn điều kiện không quá ba ngày kể từ ngày
nhận khai của điều kiện. Điều kiện phải xem xét các công việc của sự chỉ huy
giấy quyết định pháp lý điều kiện hoãn trực tiếp.
7. Trợ lý của Chốt hoãn hoạt động điều kiện công việc trái với quy định
tại khoản 6 điều kiện 19, điều kiện công việc của sự chỉ huy khác trong sự
thành viên tham dự thay thế của sự chỉ huy hành sự chỉ huy cho sự chỉ huy
và hiệu lực của các biểu quyết của sự chỉ huy không bình thường.
8. Chốt của điều kiện hoặc Thủ ký điều kiện có thể tín hành các hoạt động mà
thực hiện sự chỉ huy khi điều kiện công việc của sự chỉ huy và có trật tự;
hoặc điều kiện phải ánh sáng công việc của sự chỉ huy.
9. Chỉ huy quản trị có thể yêu cầu các công việc của sự chỉ huy quy định tham
điều kiện công việc của sự chỉ huy kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Chỉ
huy quản trị cho là thích hợp. Trợ lý của sự chỉ huy của sự chỉ huy
quy định không chịu tuân thủ quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an
ninh nói trên, Chỉ huy quản trị sau khi xem xét một cách cẩn thận có thể
chỉ huy của sự chỉ huy của sự chỉ huy nói trên tham gia điều kiện.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:
- Điều chỉnh số lượng thành viên ban chấp hành hội đồng;
 - Bổ sung thành viên mới vào ban chấp hành;
 - Tổ chức bầu chọn thành viên mới (hoặc tái bổ sung) vào ban chấp hành.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay thế hoặc bãi bỏ các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên theo yêu cầu cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là các biện pháp khác.

11. Trong trường hợp bất kỳ, hội đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định thẩm quyền có thể:
- Thông báo rằng những thông tin hành động thẩm quyền ghi trong thông báo và chốt những thông tin có thẩm quyền (ở ban chấp hành nội bộ);
 - Bất chấp những quy định hoặc điều kiện quy định không đồng ý theo điều khoản này hoặc những quy định của pháp luật khác về thẩm quyền ban chấp hành nội bộ có thể tham gia thẩm định;

Thông báo về việc thực hiện không cần nêu chi tiết những biện pháp thực hiện theo điều khoản này.

12. Trong điều lệ này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi thành viên của hội đồng được coi là tham gia thẩm định thẩm quyền ban chấp hành nội bộ.

Hàng năm Công ty phải thực hiện những quy định ít nhất một lần. Hội đồng thành viên không thể thực hiện hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quy định của thẩm quyền hội đồng về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các thành viên có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định thẩm định hội đồng.
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
 - Bổ sung, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.
- Các quy định của thẩm định hội đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kiểm toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các thành viên có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định thẩm định hội đồng.
- Các quy định được thông qua tại cuộc họp thẩm định hội đồng về việc sửa đổi quy định và ủy quyền tham gia đại diện 100% tổng số phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày và thực hiện tại cuộc họp.

nội dung chương trình hợp và thẩm định hành hợp không thể chỉ nêu ngắn gọn quy định.

4. Trường hợp thông qua quyết định hình thức ủy quyền bằng văn bản thì quyết định của Hội đồng cổ đông thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông ít nhất 75% tổng số phiếu bầu quy tắc thu.
5. Trường hợp, vì ủy quyền bằng văn bản không phù hợp với khoản 4 điều này thì ủy quyền bằng văn bản lần thứ hai được thực hiện trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc ủy quyền lần thứ nhất. Việc thông qua quyết định ủy quyền bằng văn bản của Hội đồng cổ đông lần thứ hai được thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quy tắc thu.
6. Quyết định của Hội đồng cổ đông phải được thông báo công khai có quy định hợp lý về Hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thẩm thức ủy quyền của Hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông thể hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền của Hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty kể từ ngày hợp đồng thông qua quyết định loại cổ phần và tổng số phần trăm của loại cổ phần chào bán;
2. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm ủy quyền, đồng thời quyết định của Hội đồng cổ đông và các tài liệu đi kèm trình đồng thời quyết định. Phiếu ủy quyền kèm theo đồng thời quyết định và tài liệu đi kèm trình phải ghi rõ nội dung phải thực hiện, nội dung cách thức thực hiện của Hội đồng;
3. Phiếu ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cá nhân hoặc địa chỉ theo quy định của cá nhân là tổ chức; số lượng phần trăm của loại và số phiếu bầu quy tắc của cá nhân;
 - d. Văn bản ủy quyền thông qua quyết định;
 - e. Phạm vi ủy quyền quy tắc bao gồm bán thành, không bán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải ghi rõ công ty phải ủy quyền để kiểm soát;
 - g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu ủy quyền để kiểm soát phải có chữ ký của cá nhân là cá nhân, của người đi kèm theo quy định hoặc người đi kèm theo pháp luật của cá nhân là tổ chức.

Phiếu ủy quyền ghi rõ công ty phải thực hiện trong phong bì dán kín và không ai được quy định trừ khi kiểm soát. Các phiếu ủy quyền ghi rõ công ty sau thời hạn xác định nội dung phiếu ủy quyền hoặc đã bị hủy bỏ không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu để sẵn sàng kiến cáo Ban kiểm soát hoặc các công đồng không nắm giữ cổ phiếu công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lý giải thông qua quy trình;
 - c. Số công việc kiểm phiếu bị quy trình tham gia bị quy định, trong đó phân biệt số phiếu bị quy trình hợp lệ và số bị quy định không hợp lệ, kèm theo phân loại danh sách công đồng tham gia bị quy định;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến vì việc kiểm phiếu;
 - e. Các quy trình đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi kiểm phiếu theo pháp luật của công ty và các người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy trình được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải gửi kèm các công đồng trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lý giải đã được trình lập, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý giải phải gửi kèm theo sổ sách chính của công ty;
8. Quy trình được thông qua theo hình thức lý giải công đồng bằng văn bản có giá trị như quy trình được thông qua trực tiếp khi công đồng.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì hội nghị công đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản hội nghị công đồng và gửi cho tất cả các công đồng trong vòng 15 ngày khi hội nghị công đồng kết thúc. Biên bản hội nghị công đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại hội nghị công đồng trừ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản của ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải có lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch hội nghị và Thư ký, và có lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tài liệu này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ sách của các công đồng đề nghị và văn bản quy định tham dự phải gửi kèm theo sổ sách chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hội nghị công đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lý giải hội nghị công đồng, công đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy trình của hội nghị công đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hội nghị công đồng không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và nội dung công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định về phạm pháp luật hoặc nội bộ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng thành viên Hội đồng quản trị cấp không chịu hành phi chiếm ít nhất một phần ba tổng thành viên Hội đồng quản trị..
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các công sở lập ra theo luật lệ của các phần của công sở lập ra. Các công sở lập ra quy định lệ của phần vào với nhau bầu phi của các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các công sở năm gi trên 5% số phần có quy định quy định trong thị trường liên tục ít nhất sáu tháng có quy định quy định quy định của các công sở năm gi trên 5% số phần có quy định quy định trong thị trường liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% số phần có quy định quy định hai thành viên; từ 30% số phần có quy định quy định ba thành viên; từ 50% số phần có quy định quy định bốn thành viên và từ 65% trở lên của các công sở.
4. Trình tự số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thông qua và các văn không số lượng của thị trường, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ có thể thêm các thành viên hoặc các công sở theo một cách do công ty quy định. Các công sở hay cách thức Hội đồng quản trị nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị phi của công sở rõ ràng và phi của thị trường thông qua các khi tiến hành của
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc luật pháp của công sở làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó ghi nhận văn bản xin thôi chức vụ chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó rời bỏ tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những ngành chuyên môn chuyên ngành đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyền cho các văn của công sở này bầu cử;
 - e. Thành viên đó bỏ cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của thị trường công sở.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phi của chi phí của thị trường công sở ngay tiếp sau đó. Sau khi của thị trường công sở chi phí của

việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về kế toán và thuế kế toán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là quan cố ý quy định thẩm định tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định thuộc về tài chính công.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định của thị trường công quy định. Chức năng, Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:
 - a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của thị trường công thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo nghĩa của Tổng giám đốc điều hành và quy định nội bộ của Công ty;
 - d. Quy định các cấu trúc của Công ty;
 - e. Giám sát các khiếu nại của Công ty về việc các cán bộ quản lý công nhân quy định của Công ty đi làm của Công ty giám sát các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của công nhân và cán bộ quản lý;
 - f. Xuất các loại phiếu có thể phát hành và tăng số phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá nhất định;
 - h. Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay các cán bộ quản lý hoặc người đi làm của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tốt nhất của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên hoặc bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Xuất mức thuế hàng năm và xác định mức thuế thu nhập cá nhân; thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - k. Xuất việc tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đi làm của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ những quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng công phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định về việc thâu nhập, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty

- (bao gồm các hình thức mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
- d. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty là gì và địa điểm kinh doanh và Luật của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thanh toán các khoản thuế, bảo hiểm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản nợ không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 20 (Hai mươi) triệu Việt Nam hoặc các khoản nợ vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bất động sản công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mức lợi nhuận;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nhưng không phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo tình hình công việc hoạt động của mình, chức năng và nhiệm vụ giám sát của Hội đồng quản trị và vị trí giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý điều hành công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các điều kiện ủy quyền thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải ghi chi tiết trong báo cáo tài chính của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thanh toán những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trả gộp theo từng lần, lần, hoặc hàng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị bầu ra tại Đại hội đồng. Trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị nhậm chức, Công ty phải cử một thành viên Hội đồng quản trị khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty và các công việc của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty thành viên;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 90 ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và ra các quy định khác theo quy định pháp luật có hiệu lực trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số trong số họ triệu tập Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng quản trị, không cần triệu tập trước nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện dưới đây xảy ra: a. Tổng giám đốc của Công ty từ chức; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 điều 27 phải có hiệu lực trong thời hạn 90 ngày làm việc sau khi có sự chấp thuận. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận triệu tập họp theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra vì Công ty; những người khác chấp thuận triệu tập họp tại Khoản 3 điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để xem xét báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p. Các cu c h p H i ng qu n tr s c ti n hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .
7. Thông báo và ch ng trình h p. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ng có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ng và các phi u b u cho nh ng thành viên H i ng không th đ h p.
- Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.
8. S thành viên tham đ t i thi u. Các cu c h p c a H i ng qu n tr ch c ti n hành và thông qua các quy t nh khi có ít nh t ba ph n t s thành viên H i ng qu n tr có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n thay th .
9. Bi u quy t.
- Tr quy nh t i Kho n 9b i u 27, m i thành viên H i ng qu n tr ho c ng i c u quy n tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng qu n tr s có m t phi u bi u quy t;
 - Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t v các h p ng, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. M t thành viên H i ng s không c tính vào s l ng i bi u t i thi u c n thi t có m t có th t ch c m t cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;
 - Theo quy nh t i Kho n 9d i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n m c l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr ó, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch to cu c h p và phán quy t c a ch to liên quan n t t c các thành viên H i ng qu n tr khác s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b m t cách thích áng;
 - Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m th p ng c quy nh t i i u 33.4a và i u 33.4b c a i u l này s c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.
10. Công khai l i ích. Thành viên H i ng qu n tr tr c ti p ho c gián ti p c h ng l i t m th p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang đ ki n ký k t v i Công ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s ph i công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Ho c thành viên này có th công khai i u ó t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau

khi thành viên này bị trừ ng mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Bị ủy quyền. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trừ những phiếu tán thành và phiếu ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.
12. Hợp trên nhiều hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý. Các thành viên khác nhau về việc ủy nhiệm là các thành viên tham gia họp có thể:
 - a. Nghe thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng rẽ.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua nhiều hình thức bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả video họp bằng điện tử này diễn ra vào thời điểm thông qua nội dung hay sau này) hoặc là kết quả của các nghị quyết của hội đồng này. Theo nội dung này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này được coi là đồng ý với nội dung cuộc họp được thực hiện theo quy định này là nội dung mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng ý chấp thuận, hoặc nếu không có một nhóm khác, là nội dung mà Chủ tịch chấp thuận.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua nhiều hình thức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp bằng việc ký các nghị quyết bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
 - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều biện pháp cùng một văn bản nếu số lượng thành viên có mặt ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem xét bằng cách xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản trong thời hạn một ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có thể lập bằng văn bản và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện

quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn và quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể được bổ sung hoặc thay đổi thêm nếu Hội đồng quản trị không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu chuẩn nêu trên và cho phép người có thẩm quyền quy định về cách thành viên của Hội đồng quản trị (a) phải bổ sung thành viên bên ngoài ít nhất một thành viên thành viên của Hội đồng quản trị và (b) quy định các tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý của thành viên tham dự và bị quy định trong phiên họp của Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành vi. Các hành vi thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của Hội đồng quản trị thực thi Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp bị hủy bỏ, chỉ thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị có thể khiếu nại.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quy định mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nắm quyền lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc điều hành có thẩm quyền là thành viên Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bổ nhiệm quy định thông qua một cách hợp pháp.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Tổng giám đốc điều hành và các chủ sở hữu của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ duy trì và lo ngại cán bộ quản lý cần thiết cho phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ yêu cầu. Cán bộ quản lý phải có sự đồng ý của Hội đồng quản trị và thực hiện của Công ty tất cả các mục tiêu đưa ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều kiện khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quy định của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong hồ sơ công đồng thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Theo điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá ba (03) năm kể từ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể bị hủy bỏ nếu không phù hợp với các quy định về hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là

những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vì thành niên, người không nên làm hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ đang lãnh đạo trở nên bất pháp.

3. Quy định và nhiệm vụ. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm quy định và trách nhiệm sau:
 - a. Thúc đẩy các nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ thị của Hội đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch xuất của Công ty đã được Hội đồng quản trị và chỉ thị của Hội đồng thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tài chính và chịu trách nhiệm kinh doanh thương mại của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Kiểm soát và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động kinh doanh các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị xuất, và tận dụng Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, phúc lợi, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp của ngân sách tài chính năm nay.
 - f. Thúc đẩy kế hoạch kinh doanh hàng năm của chỉ thị của Hội đồng và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Xuất hiện bị pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho tổng năm tài chính sẽ trình Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt báo cáo thông tin quy định tại các quy định của Công ty.
 - i. Thúc đẩy tất cả các hoạt động khác theo quy định của luật này và các quy định của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cơ quan. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và chỉ thị của Hội đồng về việc thúc đẩy nhiệm vụ và quy định của giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc chịu trách nhiệm khi có hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc chịu trách nhiệm) và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thay thế. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm bãi nhiệm có quy định về vị trí bãi nhiệm này tại chỉ thị của Hội đồng trình theo quy định.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chọn một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy theo thẩm quyền. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ định công theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Làm biên bản các cuộc họp;
3. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;
4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm báo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội quy công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán chấp hành theo chỉ định của kế toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chọn một thành viên là chủ tịch của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và host theo cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên chỉ định công đồng.
2. Công nợ miễn trừ trên 5% vốn có quy định bị quy định trong thẩm quyền liên tục ít nhất sáu tháng có thể phải phải vào và vào nhau của các thành viên vào Ban kiểm soát. Công nợ nhóm công nợ miễn trừ trên 5% đến 10% số vốn có quy định bị quy định trong thẩm quyền liên tục ít nhất sáu tháng của một thành viên; từ 10% đến 30% của hai thành viên; từ 30% đến 50% của ba thành viên; từ 50% đến 65% của bốn thành viên và vượt 65% trở lên của các thành viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do chỉ định công đồng bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bị loại bỏ nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tồn tại cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- b. Thành viên có trách nhiệm thông báo công trình chính cho Công ty;
- c. Thành viên có trách nhiệm và các thành viên khác của Ban kiểm soát có năng lực chuyên môn cần thiết để không còn nghi ngờ gì về hành vi;
- d. Thành viên có trách nhiệm không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên có trách nhiệm và đã phân quyền cho các vị khác này bầu thế; và
- e. Thành viên có trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quy định và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều này, chức vụ là nhiệm vụ quy định và trách nhiệm sau đây:
 - a. Hỗ trợ các nhân viên công ty kế toán lập, kiểm tra và giám sát liên quan đến sổ sách hay bất kỳ các công việc kế toán khác;
 - b. Thờ ơ về việc kế toán viên lập và tính chính xác và phạm vi kế toán trừ khi bất kỳ vị trí kế toán;
 - c. Xin ý kiến từ các chuyên gia độc lập hoặc các pháp lý và kiểm toán tham gia các ngành chuyên gia bên ngoài công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trừ khi trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thờ ơ về những vấn đề khó khăn và tiềm ẩn phát hiện các kết quả kế toán giả mạo hoặc các sai sót mà kế toán viên lập ra mà không báo;
 - f. Xem xét thẩm quyền của kế toán viên lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trừ khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các ban quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan liên quan đến Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thủ ký Công ty phải báo cáo rõ ràng toàn bộ bản sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là 02 (hai) người.
4. Tổng mức thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ thanh toán các khoản chi phí liên

khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c liên quan n ho t ng kinh doanh c a Công ty

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý c u thác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các tỉ u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c và theo ph ng th c mà h tin là vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m t m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng th ng có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c at ch c ho c cá nhân khác.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác. Nh ng it ng nêu trên ch c s d ng nh ng c h i ó khi các thành viên H i ng qu n tr không có l i ích liên quan ã quy t nh không truy c u v n này.
3. Công ty không c phép c p các kho n vay, b o lãnh, ho c tín d ng cho các thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành, cán b qu n lý và gia ình c a h ho c pháp nhân mà nh ng ng i này có các l i ích tài chính, tr khi i h i ng c ông có quy t nh khác.
4. H p ng ho c giao d ch gi a Công ty v i m t ho c nhi u thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành, cán b qu n lý, ho c nh ng ng i liên quan n h ho c công ty, i tác, hi p h i, ho c t ch c mà m t ho c nhi u thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý ho c nh ng ng i liên quan n h là thành viên, ho c có liên quan l i ích tài chính, s không b vô hi u hoá vì nh ng m i quan h v a nêu, ho c vì thành viên H i ng qu n tr ó ho c cán b qu n lý ó có m t ho c tham gia vào cu c h p liên quan ho c vào H i ng qu n tr hay tỉ u ban ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch, ho c vì nh ng phi u b u c a h c ng c tính khi bì u quy t v m c ích ó, n u:
 - a. i v i h p ng có giá tr t d i 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c báo cáo cho H i ng qu n tr ho c tỉ u ban liên quan. ng th i, H i ng qu n tr ho c tỉ u ban ó ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch ó m t cách trung th c b ng a s phi u tán thành c a nh ng thành viên H i ng không có l i ích liên quan; ho c
 - b. i v i nh ng h p ng có giá tr l n h n 20% c a t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b

- quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết và, và những công đồng đó đã biểu quyết tán thành hợp đồng giao dịch này;
- c. Hợp đồng giao dịch đó có một phần cốt yếu có lợi cho là công bố và hợp lý xét trên mối liên hệ liên quan đến các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thích hợp, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan khác không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm có những thông tin chắc chắn sẽ gây nên biến động giá của những phiếu đó và các công đồng khác liên quan đến thông tin này.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vì phạm nghĩa vụ hành nghề một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự cẩn trọng, miễn cẩn và những lý do chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Bị thiệt hại. Công ty sẽ bị thiệt hại cho những người, hàng và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại, hàng hoặc có thể sẽ có thiệt hại hành cho dù đây là vì lợi ích của dân sự, hành chính (mà không phải là vì lợi ích kinh tế do Công ty thiệt hại hay thu được quyền lợi của Công ty) nhưng đó là hàng là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó là hàng làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đi làm của một công ty, tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí của bị thiệt hại bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt quá trình coi là một hợp lý khi gì ủy quyền những vì lợi ích này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, vì lợi ích kinh tế là người đó đã hành nghề trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn và những lý do chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chấp nhận lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm bị thiệt hại nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Công đồng hoặc nhóm công đồng có quyền trong điều 24.3 và điều 35.2 của điều lệ này có quyền tiếp cận hồ sơ tài liệu của công đồng ủy quyền, ghi vào bản yêu cầu kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của công ty danh sách công đồng, các biên bản của hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do pháp luật quy định hoặc người đi làm của ủy quyền khác của công đồng phải kèm theo giấy ủy quyền của công đồng mà người đó đi làm hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và hành và cán bộ quản lý có quy định kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, danh sách công nợ và sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới công việc của mình vì vậy cần các thông tin này phải công bố.
3. Công ty sản phẩm sữa này và những bản sửa đổi bổ sung sữa, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định hồ sơ tài sản, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật thì chính họ cũng nắm giữ khác vì vậy cần là các công nợ và quan hệ kinh doanh công bố thông tin và ảnh hưởng tới các giấy tờ này.
4. Công ty có quy định Công ty có thể bán sữa công ty miễn phí. Trang mạng công ty có website riêng, sữa này phải công bố trên website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và hành pháp nhân Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên công nhân, lao động, bồi dưỡng, lương bổng, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật nhân viên quản lý và nhân viên lao động công nhân nhân viên quản lý của Công ty và các tổ chức công đoàn công nhân theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nhân viên thông lệ và chính sách quy định nhân viên này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng công ty quy định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm và lợi nhuận cổ đông của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quy định mức cổ tức gửi các nhà đầu tư vì chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới cổ tức phi ưu.
4. Hội đồng quản trị có thể nghị Hội đồng công ty thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng hình thức tài sản cổ tức (nhờ phi ưu hoặc trái phi ưu đã thanh toán trước do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
5. Trang mạng cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ tức phi ưu cổ tức chi trả bằng tiền mặt, Công ty sản phẩm chi trả bằng tiền mặt Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh rút tiền qua bưu điện hoặc bằng các công cụ khác và trang mạng có rủi ro phát sinh (tính cả các công cụ khác) thì công ty có thể chi trả. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức cho các khoản tiền khác cổ tức chi trả bằng tiền mặt liên quan tới cổ tức phi ưu có thể chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của công nhân viên cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản tiền vào tài khoản ngân hàng của công ty. Trang mạng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải

chịu trách nhiệm về khoản tín Công ty chuyển cho công thống kê. Việc thanh toán các tài khoản và các chi phí liên quan tới Sổ Giao dịch Chứng khoán có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Các Lưu ý Doanh nghiệp, Lưu ý Chứng khoán, Hướng dẫn quản trị thông qua quy tắc xác định ngày chốt danh sách công. Các theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách công ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, lãi su t, phân ph i l i nhu n, nh n c phí u, nh n thông báo ho c tài li u khác.

7. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty s m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng Vi t Nam.
2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.
3. Công ty s t i n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n t i n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

Điều 41. Năm tài chính

N m tài khóa c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngày sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ó.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s d ng ng Vi t Nam (ho c ngo i t t do chuy n i trong tr ng h p c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n) làm n v ti n t dùng trong k toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi kiểm toán theo quy định của Điều 47 của Luật này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm tra thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho năm tài chính lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải công bố trên các công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải công bố trên website đó.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm được quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, từ tài sản chính của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Hội đồng kiểm tra thường niên của năm tài chính của công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những yêu cầu và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và ghi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính..
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác minh và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Ban sao của báo cáo kiểm toán cùng in kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thể hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng và các quy định các thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến từ hội đồng có liên quan đến kiểm toán...

XVII. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể theo thời hạn theo quy định của hội đồng.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể thời hạn đã gia hạn) do hội đồng quyết định, Hội đồng quản trị thể hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nubtbc) theo quy định.

Điều 48. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị ưu tiên hoãn hội đồng ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động công ty có thể bị quy định về gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo định nghĩa của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công ty có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện quy định có mặt từ hội đồng thông qua.

Điều 49. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do hội đồng chọn và một thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ một công ty kiểm toán chấp thuận. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia

c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. Tỉ n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tỉ n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
 - c. Thu và các kho n n p có tính ch t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
 - d. Các kho n vay (n u có);
 - e. Các kho n n khác c a Công ty;
 - f. S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (e) trên ây s c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã s u tiên thanh toán tr c.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p hay khi u n i có liên quan t i ho t ng c a Công ty hay t i quy n c a các c ông phát sinh t i u l hay t b t c quy n ho c ngh a v do Lu t Doanh nghi p hay các lu t khác ho c các quy nh hành chính quy nh, gi a:
 - a. Công v i Công ty; ho c
 - b. Công v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng giám c i u hành hay cán b qu n lý cao c p

Các bên liên quan s c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hoà gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr s ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và s yêu c u t ng bên trình bày các y u t th c ti n liên quan n tranh ch p trong vòng 30 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu ch nh m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh hoà gi i trong vòng sáu tu n t khi b t u quá trình hoà gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hoà gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài kinh t ho c Toà án kinh t .
3. Các bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng và hoà gi i. Các chi phí c a Toà án s do Toà phán quy t bên nào ph i ch u.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét quy t nh.

- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm XXI chương, 52 điều khoản, bổ sung lần thứ 5 theo Nghị quyết của Hội đồng Công ty thông qua vào ngày 18 tháng 04 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều lệ có hiệu lực thành 08 bản, có giá trị như nhau và lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục điều lệ Công ty hoặc do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc do 1/2 tổng số thành viên HĐQT hoặc do người đại diện theo pháp luật ký sao y miễn có giá trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG THÀNH NHÂN